

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **179/2022/HS-PT**
Ngày: 25-5-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Nam Phương**

Các thẩm phán: Bà **Trương Thị Thảo**

Bà Phạm Thị Xuân Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Quang Minh** – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 132/2022/TLPT-HS ngày 25 tháng 03 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Hoàng K, do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hoàng K và kháng cáo của bị hại Nguyễn Đức M đối với bản án hình sự sơ thẩm số 568/2021/HS-ST ngày 29/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Hoàng K; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 01/01/1999 tại Sóc Trăng; Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Nguyễn Hoàng D - sinh năm 1978; Con bà: Trang Thị E - sinh năm 1977; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất và chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại – Có mặt.

Đại diện hợp pháp của bị cáo (do hiện nay bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi): Ông Nguyễn Hoàng D - sinh năm 1978 và bà Trang Thị E - sinh năm: 1977 (bà E, ông D có mặt).

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Người bào chữa cho bị cáo theo luật định: Luật sư Phạm Văn Đ thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai. (có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo theo yêu cầu: Luật sư Nguyễn Thị Kim H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai. (có mặt)

Bị hại: Anh **Phan Đức M**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Đường D, khu phố E, phường F, thành phố G, tỉnh Đồng Nai. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hoàng K không có giấy phép lái xe mô tô hạng A1. Khoảng 20 giờ ngày 11/04/2020, K cùng nhóm bạn rủ nhau điều khiển xe mô tô đi chơi theo tuyến đường từ thành phố Hồ Chí Minh đi ngã tư Vũng Tàu thuộc thành phố Biên Hòa rồi lưu thông theo quốc lộ 51 đi huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, K điều khiển xe mô tô hiệu Exiter biển số 83P3-86XXX (có dung tích xilanh 149cm³), cùng với Nguyễn Hữu L điều khiển xe mô tô biển số 95E1-62XXX, Phạm Quốc H1 điều khiển xe mô tô biển số 92E1-48XXX, Nguyễn Thanh P điều khiển xe mô tô biển số 59C2-38XXX, Nguyễn Ngọc Q điều khiển xe mô tô biển số 61E1-73XXX, Lê Hoàng K1 điều khiển xe mô tô biển số 69K1-28XXX, Lê Công H2 điều khiển xe mô tô biển số 66P2-05XXX, Nguyễn Thanh T điều khiển xe mô tô biển số 59T2-02XXX, Hà Đức L1 điều khiển xe mô tô biển số 59C2-48XXX, Trần Trung T1 điều khiển xe mô tô biển số 59L2-95XXX, Trần Đăng K2 điều khiển xe mô tô biển số 59C1-80XXX, Diếp Thanh C điều khiển xe mô tô biển số 71C2-63XXX, Phạm Minh T2 điều khiển xe mô tô biển số 66C1-45XXX, Trần Minh M1 điều khiển xe mô tô biển số 59N3-24XXX và khoảng 10 xe mô tô khác (không rõ biển số và người điều khiển) lưu thông trên Quốc lộ 51 theo hướng ngã tư Vũng Tàu đi huyện Long Thành với vận tốc cao. Khi đến đoạn đường km 13 + 900 Quốc lộ 51, thuộc khu phố Long Khánh, phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa, nhóm của K gặp tổ công tác Tuần tra kiểm soát giao thông Công an tỉnh Đồng Nai gồm anh Trần Thanh D1 (Cảnh sát giao thông làm tổ trưởng), anh Phan Đức M, anh Trần Lê Đình A, anh Trần Trung H3 (là Cảnh sát cơ động) đang làm nhiệm vụ đứng dưới lòng đường phát tín hiệu còi và đèn yêu cầu nhóm K dừng xe nhưng các đối tượng nêu trên không chấp hành mà tiếp tục điều khiển xe bỏ chạy. Lúc này, do K điều khiển xe mô tô đi trên làn đường số 3 nhưng không làm chủ tay lái nên đã để xe đụng vào người anh M đang đứng ở làn đường thứ 3 (tính từ lề phải theo hướng nhóm K lưu thông), gây tai nạn làm anh M và K bị thương nặng, được tổ công tác Tuần tra kiểm soát giao thông Công an tỉnh Đồng Nai đưa đi cấp cứu.

Hậu quả, anh M bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể 65%. K bị chấn động não dẫn đến hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi (Không giám định thương tích).

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường đã thu thập được các dấu vết như sau (tất cả các dấu vết được đo vào lề đường bên phải theo hướng ngã ba Thái Lan đi

huyện Long Thành. Trụ đèn số T01/34 ở dải phân cách phân chia phần đường làm mốc):

- + Xe mô tô biển số 83P3-86XXX ngã nghiêng bên trái trên đường, đầu xe hướng đi huyện Long Thành, đuôi xe quay hướng đi ngã ba Thái Lan. Trục bánh trước cách mép đường 06m10, trục bánh sau cách mép đường 06m70 và cách trụ đèn số T01/34 ở dải phân cách làm mốc là 13m10.

- + Vết máu để lại trên mặt đường cách mép đường 09m80 và cách trục bánh sau xe mô tô biển số 83P3-86XXX là 08m20 về hướng ngã ba Thái Lan.

- + Vết cày tróc nhựa ngắt quãng trên đường hướng ngã ba Thái Lan đi huyện Long Thành, từ đầu vết cày đến vị trí gác chân trước xe mô tô biển số 83P3-86XXX dài 29m50. Đầu vết cày cách mép đường 08m60.

- + Vị trí nạn nhân (anh M) ngã trên đường cách mép đường 07m15, cách xe mô tô biển số 83P3-86XXX là 20m10.

Tại bản Kết luận giám định số 1536/KLGD-PC09 ngày 10/08/2020 của Giám định viên Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận: Không đủ cơ sở kết luận xe mô tô biển số 83P3-86XXX có sự va chạm với phương tiện khác trong quá trình xảy ra vụ việc. Hệ thống nút vỡ ốp nhựa đầu xe, cụm đèn trước, ốp mặt nạ đầu xe, yếm chắn gió bên phải; cong vênh biến dạng nhẹ cần đạp thắng chân của xe mô tô biển số 83P3-86XXX có chiều hướng dấu vết từ trước ra sau, từ phải sang trái, hình thành do quá trình va chạm với vật tày có thiết diện lớn (anh Phan Đức M).

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 0276/TgT/2020 ngày 16/04/2020 của Giám định viên Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Nai, kết luận thương tích của nạn nhân Phan Đức M như sau:

Dấu hiệu chính qua giám định:

- Tổn thương cắt cụt đến 1/3 giữa đùi phải (Áp dụng Chương 7, mục VII.7.3). Tỷ lệ 65%.

Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/08/2019, của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Phan Đức M áp dụng theo thông tư là 65% (Sáu mươi lăm phần trăm).

Tại Kết luận giám định số 152/2021/KLGD ngày 04/03/2021 của Giám định viên Trung tâm pháp y tâm thần khu vực thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận về Nguyễn Hoàng K như sau:

- Về y học:

- + Trước, trong khi xảy ra sự việc đối tượng không có bệnh tâm thần.

- + Sau khi xảy ra sự việc đối tượng bị bệnh Hội chứng quên thực tồn không do rượu và các chất tác động tâm thần khác/Hội chứng sau chấn động não (F04/F07.2-ICD.10).

- + Hiện tại đối tượng bị bệnh Hội chứng sau chấn động não (F07.2-ICD.10).

- Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi:

+ Trước, trong khi xảy ra sự việc đối tượng đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

+ Sau khi xảy ra sự việc đối tượng mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

+ Hiện tại đối tượng hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ 01 (Một) xe mô tô biển số 83P3-86XXX của Nguyễn Hoàng K.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã thu giữ và giao trả cho chủ sở hữu, cụ thể:

- Xe mô tô biển số 95E1-62XXX (cùng giấy Chứng nhận đăng ký xe) cho Nguyễn Hữu L;

- Xe mô tô biển số 92E1-48XXX (cùng giấy Chứng nhận đăng ký xe) cho Phạm Quốc H1;

- Xe mô tô biển số 59C2-38XXX và 01 (Một) điện thoại di động hiệu OPPO A57 cho Nguyễn Thanh P;

- Xe mô tô biển số 61E1-73XXX cho Nguyễn Ngọc Q;

- Xe mô tô biển số 69K1-28XXX cho Lê Hoàng K1; Xe mô tô biển số 66P2-05XXX và Giấy phép lái xe, giấy Chứng nhận đăng ký xe cho Lê Công H2;

- Xe mô tô biển số 59T2-02XXX và Giấy phép lái xe, giấy Chứng nhận đăng ký xe cho Nguyễn Thanh T;

- Xe mô tô biển số 59C2-48XXX và 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung J7 cho Hà Đức L1;

- Xe mô tô biển số 59L2-95XXX và giấy Chứng nhận đăng ký xe cho Trần Trung T1;

- Xe mô tô biển số 59C1-80XXX và giấy Chứng nhận đăng ký xe cho Trần Đăng K2;

- Xe mô tô biển số 71C2-63XXX và giấy Chứng nhận đăng ký xe cho Diếp Thanh C;

- Xe mô tô biển số 66C1-45XXX (cùng giấy Chứng nhận đăng ký xe) và 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone 5 cho Phạm Minh T2;

- Xe mô tô biển số 59N3-24XXX (cùng giấy Chứng nhận đăng ký xe) và 01 (Một) điện thoại di động hiệu Sam sung galaxy cho Trần Minh M1.

Trách nhiệm dân sự: Bị hại Phan Đức M yêu cầu Nguyễn Hoàng K bồi thường chi phí điều trị thương tích và các thiệt hại khác tổng cộng là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng). Gia đình bị cáo đã nộp 15.000.000 (Mười lăm triệu đồng) cho Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai để khắc phục hậu quả.

Tại bản án sơ thẩm số 568/2021/HS-ST ngày 29/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai áp dụng điểm a, đ khoản 2 Điều 260; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng K phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” xử phạt

bị cáo Nguyễn Hoàng K 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù; Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại thi hành án và áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật dân sự 2015 buộc bị cáo Nguyễn Hoàng K phải bồi thường cho anh Phan Đức M số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, về vấn đề khác, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 10/01/2022, các bị cáo Nguyễn Hoàng K có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 10/01/2022 bị hại Nguyễn Đức M có đơn kháng cáo đề nghị tăng nặng hình phạt đối với bị cáo và giải quyết phần bồi thường do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa nhận được.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Hoàng K đề nghị hội đồng xem xét giảm hình phạt cho bị cáo.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Khẳng định bản án sơ thẩm xử các bị cáo về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” là đúng pháp luật. Mức án Tòa cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo là phù hợp, tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Về vấn đề bồi thường thiệt hại thì cấp sơ thẩm đã tuyên xử, số tiền cũng thỏa đáng còn việc bị hại nhận số tiền đó như thế nào là của cơ quan thi hành án. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là chưa chính xác, cần phải áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự mới phù hợp vì vậy, cần phải kinh nghiệm đối với cấp sơ thẩm. Từ nhận định trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và của bị hại, y án sơ thẩm.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo— Luật sư Phạm Văn Đ :

Hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, cấp sơ thẩm xử đúng người đúng tội nhưng do bị cáo hiện nay bị mất năng lực hành vi, vấn đề này đã có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, hiện nay gia đình bị cáo đã nộp một khoản tiền để khắc phục hậu quả nên đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo— Luật sư Nguyễn Thị Kim H :

Kính thưa Hội đồng xét xử, xem xét một cách khách quan thì hành vi của bị cáo là sai trái nhưng bị hại lúc đó được phân công nhiệm vụ là cảnh sát cơ động không phải cảnh sát giao thông. Hiện nay, gia đình bị cáo rất khó khăn, gia đình lại có công với cách mạng, bị cáo còn quá trẻ hơn nữa sau khi xảy ra tai nạn bị cáo bị mất năng lực hành vi dân sự, không còn đủ nhận thức cần có người chăm sóc hàng ngày nên Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng, các cơ quan tiến hành tố tụng sơ thẩm và phúc thẩm đều thực hiện đầy đủ, trình tự thủ tục theo quy định pháp luật. Kháng cáo của bị cáo và bị hại trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án:

Hiện nay bị cáo Nguyễn Hoàng K khai bị cáo không nhớ được sự việc xảy ra tai nạn như thế nào. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của bị hại Phan Đức M (BL 66-70a), lời khai của những người làm chứng anh Trần Lê Đình A (BL 71-72), anh Trần Trung H3 (BL 77-79), anh Nguyễn Hữu L (BL 88-90), anh Lê Công H2 (BL 137-138) cùng các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ đã có đủ cơ sở xác định vào ngày 11/04/2020, tại km 13 + 900 Quốc lộ 51, thuộc khu phố Long Khánh, phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Nguyễn Hoàng K không có giấy phép lái xe mô tô hạng A1 theo quy định điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Exiter màu trắng, đỏ, đen, biển số 83P3-86XXX có dung tích xilanh 149cm³ lưu thông sai làn đường với tốc độ nhanh, không chấp hành hiệu lệnh dừng xe của tổ Tuần tra kiểm soát giao thông Công an tỉnh Đồng Nai mà tiếp tục điều khiển xe bỏ chạy nhưng không làm chủ tay lái dẫn đến đụng vào anh Phan Đức M (là Cảnh sát cơ động) đang làm nhiệm vụ đứng ở làn đường thứ 3, gây tai nạn làm anh M bị thương nặng với tỷ lệ tổn thương cơ thể 65%, bị cắt cụt 1/3 giữa đùi chân phải.

Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” được quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xử là đúng người, đúng tội.

Xét về tình tiết định khung, từ nhận định ở trên việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự đối với hành vi phạm tội của bị cáo là chưa phù hợp do đó cần rút kinh nghiệm.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo:

Hành vi của bị cáo không phải đơn thuần là “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” mà xuất phát từ việc bị cáo và một nhóm thanh niên tụ tập chạy xe với tốc độ cao, không nghe hiệu lệnh dừng xe của Cảnh sát giao thông mà điều khiển xe bỏ chạy nên mới gây ra tai nạn cho bị hại. Tại thời điểm xảy ra tai nạn bị cáo không có giấy phép lái xe theo quy định, không tuân theo hiệu lệnh của người điều khiển giao thông, trong thời gian chuẩn bị xét xử sơ thẩm bị cáo cũng chưa bồi thường cho bị hại nên mức án Tòa sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 03 (ba) năm 6 (sáu) tháng tù là tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại Tòa cấp phúc thẩm, bị cáo cũng không cung cấp thêm tình tiết đặc biệt nào khác. Riêng số tiền 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng gia đình bị cáo nộp tại cơ quan thi hành án sau khi xét xử sơ thẩm cũng không đủ điều kiện để áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo nên Hội đồng xét xử không chấp nhận giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[4] Xét kháng cáo của bị hại:

Như đã phân tích ở trên mức án 03 (ba) năm 6 (sáu) tháng tù mà cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo Nguyễn Hoàng K là phù hợp với tính chất mức độ phạm tội của bị cáo nên không có cơ sở để tăng hình phạt đối với bị cáo theo sự đề nghị của bị hại Phan Đức M.

Đối với nội dung đề nghị Tòa cấp phúc thẩm giải quyết phần bồi thường vì cho đến thời điểm hiện tại bị hại vẫn chưa nhận được bất kỳ khoản tiền bồi thường nào từ bị hại: Xét thấy tại Bản án sơ thẩm đã tuyên buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu) và nội dung này sẽ được cơ quan thi hành án thi hành theo quy định sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về quan điểm của người bào chữa cho bị cáo - Luật sư Đ và Luật Sư H tại phiên tòa không phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[7] Về số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng theo Biên lai thu số 0000019 ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai của gia đình bị cáo nộp sẽ tiếp tục được tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án

[8] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí Hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Bị hại không phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoàng K và bị hại Phan Đức M, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 568/2021/HS-ST ngày 29/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 260; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng K 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại thi hành án.

3. Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật dân sự 2015:

Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng K phải bồi thường cho anh Phan Đức M số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng).

Kể từ ngày anh M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo không bồi thường số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Tạm giữ số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng theo Biên lai thu số 0000019 ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai để đảm bảo thi hành án.

4. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí Hình sự phúc thẩm.

Bị hại không phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm theo quy định.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND H (2);
- VKSND H;
- Công an H;
- Chi cục THADS H;
- Phòng PV06 - CA tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo ;
- Lưu HS (5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Nam Phương